

MÔ HÌNH THỰC NGHIỆM GIÁO DỤC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH TRƯỜNG THỰC NGHIỆM CỦA VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN HUY HOÀNG và nhóm nghiên cứu

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: hoang771@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích mô hình thực nghiệm giáo dục và định hướng phát triển mô hình Trường Thực Nghiệm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Theo đó, Trường Thực Nghiệm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam là một hệ thống gồm các cấp: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Mỗi đơn vị trường học có bề dày lịch sử phát triển riêng trong sự thống nhất của đặc trưng Trường Thực Nghiệm. Sự tồn tại của Trường Thực Nghiệm những năm qua đã thể hiện vai trò và sứ mệnh của nó trong một giai đoạn lịch sử. Trường cần có định hướng phát triển mới trên cơ sở đặc điểm nhà Trường Thực Nghiệm đáp ứng xu thế đổi mới của giáo dục Việt Nam. Với đặc thù của một mô hình nhà trường thí điểm các vấn đề đổi mới của ngành và bắt kịp nhu cầu của thời đại, Trường Thực Nghiệm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam sẽ khẳng định được và vai trò của mình trong thời gian tới.

Từ khóa: Mô hình; trường thực nghiệm giáo dục; Trường Thực Nghiệm; Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

(Nhận bài ngày 01/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 19/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/8/2017).

1. Đặt vấn đề

Giáo dục (GD) tương lai cần phải đáp ứng một loạt các nhu cầu mới của xã hội. Để bảo đảm tính khả thi cho việc triển khai trên diện rộng một ý tưởng đổi mới nào, điều cần thiết là ý tưởng đó phải được thí điểm trong một khoảng thời gian nhất định. Chính vì vậy, GD thực nghiệm, trường thực nghiệm (TTN) ra đời phục vụ cho sứ mệnh đó. Một mặt, thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia, mặt khác thực hiện mục tiêu thí điểm ý tưởng đổi mới giáo dục. Hiện nay, trên thế giới có nhiều mô hình TTN GD như: TTN Hi Lạp, Trường học sáng tạo ở Hoa Kỳ, trường học ảo Florida nhằm phát triển năng lực, trường học kết nối phát triển năng lực và kĩ thuật số. Các trường học này đều chú ý tới mục tiêu thực nghiệm ở tầm vi mô và vĩ mô, và hướng đến phát triển năng lực người học. Với đặc thù là một cơ sở GD trực thuộc Viện Khoa học Giáo dục (KHGD) Việt Nam, TTN đang có những thay đổi, xác định hướng đi trong tương lai phù hợp với yêu cầu đổi mới của ngành và thích ứng với cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra trên toàn thế giới. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày mô hình thực nghiệm GD và định hướng phát triển mô hình TTN của Viện KHGD Việt Nam trong thời gian tới.

2. Mô hình thực nghiệm giáo dục

2.1. Mô hình giáo dục

Mô hình là hình thức diễn đạt hết sức cô đọng về một đối tượng - các đặc điểm bản chất cùng mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố của đối tượng đó. Về mặt hình học (theo nghĩa hẹp), mô hình dùng để chỉ hình mẫu thu nhỏ của những vật lớn. Về mặt xã hội (theo nghĩa rộng), mô hình là sự khái quát hoá những

mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận trong một đối tượng/chính thể, giữa sự vật này với sự vật khác các mối liên hệ đặc trưng, quan trọng, mang tính bản chất của các sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội. Ví dụ, mô hình hợp tác xã, mô hình trang trại, mô hình trường dạy tốt - học tốt,... Khái niệm mô hình được hiểu theo hai nghĩa vật chất và lí thuyết.

Theo nghĩa vật chất, mô hình có thể là: chuẩn mực của sự hoàn thiện; khuôn đúc; vật thu nhỏ/ phóng đại; làm mẫu vẽ.

Theo lí thuyết, mô hình mô tả cấu trúc của một sự vật, hiện tượng hoặc quá trình nào đó. Mô hình lí thuyết có các đặc trưng sau: 1/ *Tính đẳng cấu* giữa mô hình với đối tượng (sự tương ứng 1:1 giữa các thành tố của mô hình và mối liên hệ bản chất giữa chúng trong thực tiễn); 2/ *Tính thực tiễn* (giới thiệu một bức tranh đơn giản nhất về thế giới hiện thực, loại bỏ những cái thứ yếu, phụ thuộc); 3/ *Tính lí tưởng* (thỏa mãn nhu cầu cải tạo và biến đổi thực tiễn).

Thực nghiệm để xây dựng mô hình GD phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội là một công việc hết sức quan trọng của ngành GD, là một phương pháp để cải tiến nhà trường. Mô hình GD được hiểu là một thiết kế thể hiện ý tưởng của nhà nghiên cứu, mô tả về: 1/Bản chất những thành tố GD (quy mô, cơ cấu, cơ chế hoạt động, hệ thống chính sách, điều kiện cơ sở vật chất,...), hoạt động, những mối quan hệ tương tác trong một cơ sở GD, giữa cơ sở GD với các bên liên quan; 2/Các thành tố của chương trình GD như mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện, kết quả GD, người dạy, người học,... GD tương lai cần phải đáp ứng một loạt



các nhu cầu mới của xã hội. Để bảo đảm tính khả thi cho việc triển khai trên diện rộng một ý tưởng đổi mới nào, điều cần thiết là ý tưởng đó phải được thí điểm trong một khoảng thời gian nhất định. Phil Lambert, Giám đốc Ban GD&ĐT Trường Đại học Sydney, bang New South Wales đưa ra 10 nhu cầu sau cho giáo dục tương lai như sau [1]:

- Sự tham gia của học sinh (HS) là yếu tố quyết định quan trọng tới kết quả học tập của cá nhân và thành tích chung của trường học. Giáo viên (GV) cần có các năng lực thiết yếu giúp HS tham gia học tập là “khả năng tạo mối quan hệ tốt với HS”, “khả năng giao tiếp đa” và “kiến thức chuyên sâu về môn học”.

- GV và nhà trường cần cảnh giác với hành vi bắt nạt/đe dọa trong môi trường GD.

- Nhà trường và hệ thống GD cần tạo sự hỗ trợ đầy đủ cho HS theo nhu cầu đặc biệt và đáp ứng mong muốn của cha mẹ HS.

- Các vấn đề địa phương và toàn cầu cần được tích hợp vào nội dung chương trình trong trường học.

- Nguồn nhân lực trong hệ thống GD sẽ làm thay đổi chính sách phù hợp với GV trong việc cân bằng cuộc sống và nghề nghiệp.

- Một số công cụ công nghệ sẽ trở nên quan trọng, và những công cụ được ưa chuộng này sẽ lạc hậu và công nghệ mới sẽ xuất hiện.

- Cần xây dựng môi trường tự nhiên của nhà trường để có thể sử dụng linh hoạt các nguồn lực cộng đồng.

- Tăng cường nét tương đồng giữa nhà trường công lập và tư nhân.

- Các chương trình và dịch vụ ở từng trường sẽ do phụ huynh định hướng và nhà trường được xem như các mạng xã hội.

- Tăng cường trách nhiệm chăm sóc trẻ em của nhà trường.

2.2. Trường Thực Nghiệm giáo dục

Những trường học có chức năng “*thí điểm sự đổi mới GD*” thường được gọi là TTN, và chức năng này phải bảo đảm thúc đẩy tích cực cho chức năng chủ yếu là “*thực hiện mục tiêu GD*”. Vì vậy, cần thiết lập mô hình TTN sao cho vừa thực hiện mục tiêu GD quốc gia, vừa thực hiện mục tiêu thí điểm ý tưởng đổi mới GD.

Năm 1896, J.Dewey và các đồng nghiệp đã thành lập TTN GD thuộc Đại học Chicago (Chicago Laboratory School of Education) do chính ông làm hiệu trưởng. Tại đây, ông đã thử nghiệm một bầu không khí học tập khoáng đạt và sáng tạo, loại bỏ phương pháp học tập theo lối truyền thống và khuyến khích sự tham gia sáng tạo của HS theo những kế hoạch xác định. Đây là trường học đầu tiên của Mĩ xác định: “*Trẻ em là trung tâm*” và lấy đó làm chủ trương cho hoạt động GD của nhà trường. Điểm khác biệt của trường này là chương trình GD không quá coi trọng lí thuyết mà coi trọng việc tiếp cận với đời sống thực tế, không chú trọng kiến thức lí luận, mà chú trọng rèn luyện kĩ năng với tinh thần: trong quá trình hoạt động, những kinh nghiệm, kĩ năng, tri thức sẽ

hình thành. Hai khẩu hiệu: “GD là đời sống chứ không phải chuẩn bị cho đời sống” và “Vừa làm vừa học” mà J.Dewey đưa ra cho trường này đã được khái quát thành phương pháp dạy học của ông.

Hoạt động của TTN GD đã giúp cho J.Dewey có được những tư liệu cần thiết để viết nên những tác phẩm quan trọng về GD, đầu tiên là “*Trường học và xã hội*” (The School and Society, 1899) và sau đó là *Trẻ em và chương trình học* (1902). Đây là hai tác phẩm đã trình bày và chứng minh cho những nguyên lí chủ yếu của triết lí GD do ông khởi xướng. Theo những nguyên lí này, chương trình GD phải được xây dựng theo những lợi ích của trẻ; phải củng cố sự tương tác giữa tư duy và hoạt động thực tiễn trong lớp học của trẻ; GV phải là người hướng dẫn, là người cộng tác với HS. Mục tiêu của trường học là sự trưởng thành của trẻ em trên mọi phương diện. Về sau, những ý tưởng này đã được J.Dewey triển khai sâu hơn, khái quát hơn trong *Dân chủ và GD* (Democracy and Education, 1916) - tác phẩm được chính ông khẳng định là cuốn sách tổng kết đầy đủ nhất “toàn bộ quan điểm triết học” của mình.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cơ chế thị trường, ở hầu hết các nước EU và Mĩ, Úc, Nhật Bản, Singapore,... đều xuất hiện nhiều kiểu nhà trường, chẳng hạn như Trường mô hình (Model Schools), Trường thử nghiệm (Experimental Schools), Trường xuất sắc (Excellent school), Trường thành công (Successful School), Trường tốt (Good school), Trường hoàn thiện (Improvement School), Trường hiệu quả (Effective School), Trường chất lượng (Quality School),... nhằm cải thiện sự bất bình đẳng xã hội, xã hội hoá những cấu trúc đã có, phát triển các cấu trúc mới (Van Zanten, 2014),... Nhìn chung, những mô hình trường này đều có các đặc trưng chủ yếu sau:

- Có tầm nhìn, mục đích hướng vào cải thiện, nâng cao kết quả học tập của HS và tính hiệu quả của GD.

- Chỉ đạo tập trung vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động GD.

- Đảm bảo nghiêm túc trong quá trình thực hiện chương trình, sử dụng các phương pháp dạy học thích hợp với các loại đối tượng HS.

- Có hệ thống tiêu chí đánh giá toàn diện để giám sát quá trình dạy học; lập hồ sơ làm bằng chứng và sử dụng nó để cải thiện hoạt động học và hoạt động dạy.

- Có đủ nguồn lực và các dịch vụ cần thiết, bảo đảm cho việc thực hiện chính sách chất lượng dẫn đến sự thành đạt của mọi HS trong nhà trường.

- Đẩy mạnh giao tiếp, truyền thông, quan hệ tương tác, hợp tác với đồng nghiệp, với cộng đồng, với các bên tham gia GD.

- Có cam kết chặt chẽ về sự hoàn thành các hoạt động hướng vào kết quả học tập của HS.

Một ví dụ khác về mô hình TTN (Model Experimental Schools - MES) do Hi Lạp đề xuất được mô tả như sau:

- MES được thành lập dựa trên bốn trụ cột, đó là: 1/ Nền GD xuất sắc và sáng tạo; 2/ Thành tựu nghiên cứu về

GD đổi mới, thử nghiệm và thực hành các ý tưởng tiên tiến; 3/ Đánh giá có hệ thống về GV, HS, chức năng và cấu trúc; 4/ Những đổi mới trong công tác quản lý trường học.

- Mục tiêu GD gồm: 1/ Cung cấp nền GD chất lượng cao; 2/ Thúc đẩy sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, dạy học và đào tạo; 3/ Cung cấp cơ hội thực hành, phát triển nghề nghiệp cho GV và giáo sinh.

- Nhiệm vụ cơ bản là: 1/ Xây dựng văn hóa nhà trường để phát huy tiềm năng đặc biệt của mỗi HS; 2/ Thí điểm các chương trình GD, phương pháp dạy học, tài liệu hỗ trợ dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học mới; 3/ Vận dụng các phương thức quản lý và quản trị GD, đánh giá chất lượng GD, cơ sở hạ tầng,...

- Phạm vi thực nghiệm: 1/ Cấp vĩ mô: Thực nghiệm các mô hình GD, chương trình GD,...; 2/ Cấp vi mô: Tổ chức môi trường GD tương tác, quá trình GD tích cực để phát triển các giá trị nhân bản, năng lực cốt lõi cho người học...

3. Định hướng phát triển mô hình Trường Thực Nghiệm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

TTN của Viện KHGD Việt Nam là một hệ thống từ các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở đến Trung học phổ thông. Mỗi đơn vị trường học có một lịch sử phát triển riêng trong sự thống nhất của đặc trưng TTN. Sự tồn tại của TTN trong hơn 30 năm qua đã thể hiện vai trò và sứ mệnh của nó trong một giai đoạn lịch sử. Trong tương lai, trường cần có một định hướng phát triển mới trên cơ sở đặc điểm nhà TTN và đáp ứng xu thế đổi mới của GD Việt Nam.

3.1. Về tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của trường

Tiếp tục thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh đã đặt ra và điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của đất nước và xã hội.

3.1.1. Tầm nhìn

Hướng tới một mô hình trường học GD toàn diện, chất lượng cao, phát triển tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân. GD HS trở thành những công dân có trách nhiệm, tự tin, sáng tạo và có khả năng hội nhập khu vực và quốc tế.

3.1.2. Sứ mạng

- Cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản, nền tảng; tạo cơ hội để mỗi HS tích cực khám phá, trải nghiệm và tương tác để vươn tới thành tích cao;

- Chuẩn bị tâm thế (về phẩm chất, năng lực) để HS trở thành công dân có trách nhiệm, tự tin, năng lực và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Luôn tìm tòi, khám phá, thực nghiệm những mô hình GD, chương trình GD, phương pháp GD mới trên thế giới và những kết quả nghiên cứu của Viện KHGD Việt Nam trước khi áp dụng rộng hơn trên toàn quốc.

3.1.3. Mục tiêu giáo dục

Hệ thống TTN thuộc Viện KHGD Việt Nam nhằm:

- GD HS trở thành người: trách nhiệm, tự tin, có kỹ năng học tập suốt đời, và có khả năng hội nhập trong khu vực.

- Có chất lượng GD cao tầm quốc gia; phát triển tối đa tiềm năng của HS, GV, nhân viên và cán bộ quản lý.

- Tiên phong đi đầu trong việc nghiên cứu và thực nghiệm các KHGD ở Việt Nam.

** HS tiểu học Thực nghiệm:*

+ Có khả năng đọc, viết, làm toán, tìm hiểu tự nhiên, xã hội của đời sống hàng ngày.

+ Có các kỹ năng học tập, sống cơ bản, suốt đời, tự bảo vệ bản thân...

+ Biết yêu thương, quan tâm giúp đỡ cha mẹ, bạn bè và những người xung quanh. Bước đầu hình thành định hướng nhân cách công dân Việt Nam.

** HS THCS Thực nghiệm:*

+ Có những năng lực và phẩm chất đáp ứng mục tiêu GD chung.

+ Nuôi dưỡng và phát triển các kỹ năng học tập suốt đời và kỹ năng sống; rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập và trong cuộc sống.

+ Phát huy khả năng sáng tạo, tự lập, tự tin của mỗi cá nhân.

** HS THPT Thực nghiệm:*

+ Có chất lượng GD toàn diện, vươn tới thành tích cao.

+ Rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng xã hội; chú trọng các kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập và trong cuộc sống.

+ Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân; lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp và chuẩn bị tâm thế tốt cho GD sau phổ thông có chất lượng, hiệu quả.

3.2. Cơ cấu tổ chức, phương thức quản lý hoạt động để đáp ứng tầm nhìn

3.2.1. Cơ cấu tổ chức nhà trường

- Bổ sung thêm bộ phận cán bộ chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện chức năng "Nghiên cứu và tổ chức thực nghiệm GD". Điều chỉnh quy chế hoạt động của tổ chức (tổ chuyên môn, các hội đồng, khối văn phòng,...) bảo đảm phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy.

- Xây dựng quy hoạch, cơ cấu lao động, vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp/trình độ bằng cấp. Trong đó, yêu cầu chung đối với cán bộ quản lý và GV: thành thạo tin học văn phòng; giao tiếp được bằng một ngoại ngữ; và có khả năng nghiên cứu khoa học và thực nghiệm GD.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, mời cán bộ nghiên cứu tham gia một số hoạt động GD của nhà trường đảm bảo sự ổn định và chất lượng GD của nhà trường.

3.2.2. Phương thức quản lý hoạt động của nhà trường

- Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của nhà trường, đồng thời chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo hướng:

+ Tự chủ trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường (kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học, kế hoạch thực nghiệm và các kế hoạch hoạt động khác)



trên cơ sở nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT, kế hoạch thực nghiệm của Viện KHGD Việt Nam và hướng tới mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của trường.

+ Tự chủ tổ chức thực hiện nhiệm vụ: các biện pháp thực hiện; huy động nguồn lực phù hợp với kế hoạch được phê duyệt; Liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động GD theo quy định của pháp luật; Trao quyền cho các bộ phận, cá nhân theo năng lực, tạo mọi điều kiện để họ thực hiện nhiệm vụ một cách sáng tạo hiệu quả, hướng tới mục tiêu chung.

+ Xây dựng mô hình xác định chi phí đào tạo cho một HS đáp ứng mục tiêu về chất lượng theo cơ chế tự chủ hoàn toàn; chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ (phần được phép chi thường xuyên) để chi trả tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp, chi hoạt động chuyên môn, các hoạt động không thường xuyên,... theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công.

- Thực hiện công khai và dân chủ theo quy định của pháp luật; Quản lí và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được Nhà nước giao và các nguồn lực khác do nhà trường huy động được.

- Đảm bảo chất lượng GD cũng như quyền lợi của người dạy, người học và đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của nhà trường.

3.2.3. Xây dựng thương hiệu nhà trường

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng quản lí, chất lượng giảng dạy, xây dựng các tiêu chí và xây dựng chuẩn về chất lượng của trường.

- Đẩy mạnh công tác chuyên môn, nâng cao chất lượng đầu ra của trường.

- Công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị của trường thông qua kiểm định chất lượng GD quốc gia; tiến tới tham gia kiểm định chất lượng trong khu vực.

3.3. Về lộ trình phát triển nhà trường

Phần đầu xây dựng thành trường chất lượng cao của Thủ đô và cả nước, từng bước hội nhập với nền GD tiên tiến của thế giới. Để hướng tới điều đó, trường sẽ không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và GD HS toàn diện theo hướng đổi mới, tiếp cận và ứng dụng các hình thức, phương pháp GD của các nước tiên tiến trên thế giới, giúp HS phát huy khả năng tư duy sáng tạo của mình, được trang bị những kiến thức và kĩ năng cơ bản để các em có thể tự tin bước vào cuộc sống một cách năng động và sáng tạo.

Lộ trình cụ thể là:

a) Nghiên cứu, công bố mô hình TTN của Viện KHGD Việt Nam;

b) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh của trường bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định.

c) Phát triển chương trình nhà trường trên cơ sở chương trình quốc gia; tham khảo và dẫn đưa vào thực hiện một số chương trình tiên tiến trong khu vực và thế giới. Liên kết giảng dạy với các cơ sở giảng dạy trong nước; liên kết với các cơ sở giảng dạy nước ngoài. Công

khai với xã hội và cung cấp đầy đủ thông tin về các chương trình liên kết quốc tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người học.

d) Thực hiện kiểm định chất lượng GD theo quy định; từng bước thực hiện kiểm định khu vực và quốc tế.

e) Triển khai các hoạt động phục vụ nghiên cứu khoa học; khuyến khích việc ứng dụng và chuyển giao kết quả phục vụ nghiên cứu khoa học gắn với thị trường và nhu cầu xã hội; tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ; tổ chức hội thảo với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

g) Xây dựng phương án thu, chi học phí và chính sách học phí đối với chương trình quốc gia, quốc tế. Xây dựng phương án thu hút các nguồn thu, sử dụng nguồn thu để đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực và bảo đảm chất lượng giảng dạy phục vụ nghiên cứu khoa học. Phát triển đa dạng các quỹ như: Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi, Quỹ Dự phòng, Quỹ Hỗ trợ HS,...

3.4. Các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường

- Có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí đảm bảo đủ, ổn định, chất lượng. Thành lập bộ phận có chức năng nghiên cứu và tư vấn những vấn đề liên quan đến phát triển chương trình nhà trường.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy các môn học, năng lực tổ chức và thực hiện chương trình GD cho GV, cán bộ quản lí.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của trường chất lượng cao.

- Có cơ chế đặc thù dành cho các TTN để vừa thực hiện theo chương trình GD của Bộ GD&ĐT, vừa thực hiện một số thực nghiệm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học.

4. Kết luận

Trên đây là những đề xuất định hướng phát triển mô hình TTN của Viện KHGD Việt Nam trong thời gian tới. Với đặc thù của một mô hình nhà trường thí điểm các đổi mới của ngành ở diện vĩ mô (các chương trình, mục tiêu quốc gia) và vi mô (các đổi mới phương pháp, ý tưởng mới về dạy và học), TTN của Viện KHGD Việt Nam sẽ khẳng định được sự tồn tại và vai trò của mình trong tương lai. Đó sẽ là một mô hình nhà trường phát triển theo mô hình lí thuyết đã xây dựng: TTN “GD phát triển năng lực” trong đó mỗi thành tố của mô hình được điều chỉnh để phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế như đã nêu, đáp ứng những đổi mới của ngành và bắt kịp nhu cầu của thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phil Lambert, (2010), *School of the future. Australian college of educators*, Vol. 9, No. 3, September 2010. Sydney Universty, New South Wales State, Australia.

[2]. Hồ Ngọc Đại, (1990), *Mô hình nhà trường mới theo khả năng phát triển tối ưu của trẻ em Việt Nam bằng*

giáo dục Thực Nghiệm (phần cấp I phổ thông. Mã số 78-04-026)

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* (Ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Công văn Số 791/HD-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông*.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Công văn số 4062/BGDĐT -VP ngày 4/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Tiểu học Thực Nghiệm, Trường Trung học cơ sở Thực Nghiệm trên cơ sở tách ra từ Trường phổ thông cơ sở Thực Nghiệm*.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Công văn số: 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 về việc*

Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/ trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.

[7]. Anastasia Theodora Samara, (2015), *Investigating The Transformations Of An Educational Institution In Greece: Model - Experimental Schools*, Hội thảo 'ECER 2015 - Giáo dục và sự chuyển đổi của Hiệp hội nghiên cứu giáo dục Châu Âu).

[8]. John Bailey, Karla Phillips, Carri Schneider, Chris Sturgis, Tom Vander Ark, (2015), *The shift from cohorts to competency*, Originally published in January 2013, updated and re-released Summer 2015. DLN Smart series.

[9]. Stephen R. Porter March (2014), *Competency - based education and federal student aid*, Department of Leadership, Policy and Adult and Higher Education, North Carolina State University.

MODEL OF EXPERIMENTAL EDUCATION AND ITS FUTURE DEVELOPMENT ORIENTATION FOR THUC NGHIEM SCHOOL AT THE VIETNAM INSTITUTE FOR EDUCATIONAL SCIENCES

TRAN HUY HOANG and research group
The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: hoang771@yahoo.com

Abstract: *The article analyzes the experimental model of education and its future development orientation for Thuc Nghiem school at the Vietnam Institute of Educational Sciences. Accordingly, Thuc Nghiem school is a system of primary, lower secondary and high school levels. Each school had a unique history of its own development in the unification of the real-life features. The existence of Thuc Nghiem school for a long time has shown its role and mission in a historical period. This school needs new development orientation basing on the characteristics of the experimental school to meet trend of education reform in Vietnam. With the specificity of a pilot school model that tests educational renewal points and catches up with the needs of the times, this school will confirm its existence and role in the future.*

Keywords: *Model; the experimental school; Thực Nghiệm school; the Vietnam Institute of Educational Sciences.*